VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Tiếp theo Công báo số 425 + 426)

Phụ lục II

DANH SÁCH CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC NƯỚC MẶT ĐỊNH KỲ VÀ CÁC TRẠM QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT PHÂN CHIA THEO LƯU VỰC SÔNG QUY HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
IV	**Nhuệ - Đáy**														
101	Hà Nam	Cầu Đọ Xá	Thành phố Phủ Lý	NM101		x			x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
102	Hà Nam	Cầu Hồng Phú	Thành phố Phủ Lý	NM102		x			x			x			
103	Hà Nam	Cầu Quế	Huyện Kim Bảng	NM103		x			x			x			
104	Hà Nam	Đầm Tái	Thành phố Phủ Lý	NM104		x			x			x			
105	Hà Nam	Đò Kiều	Thành phố Phủ Lý	NM105		x			x			x			
106	Hà Nam	Thanh Tân	Xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm	NM106		x			x			x			
107	Hà Nam	Trạm bơm Thanh Nộn	Thành phố Phủ Lý	NM107		x			x			x			
108	Hà Nam	Cầu Đoan Vỹ	Huyện Thanh Liêm	NM108		x			x					x	
109	Hà Nam	Cống Nhật Tựu	Cống Nhật Tựu, Duy Tiên	NM109		x				x		x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
110	Hà Nam	Thị trấn Hòa Mạc	Thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên	NM110		x				x		x			
111	Hà Nam	Trạm bơm Nhâm Tràng	Trạm bơm Nhâm Tràng, xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm	NM111		x				x		x			
112	Hà Nam	Cầu Đọ Xá	Cầu Đọ Xá, xã Thanh Châu, thành phố Phủ Lý	NM112		x				x		x			
113	Nam Định	Đò Mười	Huyện Nghĩa Hưng	NM113		x			x			x			
114	Nam Định	Yên Trị	Huyện Ý Yên	NM114		x			x			x			
115	Ninh Bình	Cầu Bến Đế	Huyện Gián Khẩu	NM115		x			x			x			
116	Ninh Bình	Cầu Non Nước	Thành phố Ninh Bình	NM116		x			x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
117	Ninh Bình	Yên Khánh	Huyện Yên Khánh	NM117		x			x			x			
118	Ninh Bình	Kim Tân	Huyện Kim Sơn	NM118		x			x			x			
119	Ninh Bình	Cầu Gián Khẩu	Huyện Gia Viễn	NM119		x			x			x			
120	Ninh Bình	Khánh Phú	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh	NM120		x			x			x			
121	Ninh Bình	Nho Quan	Xã Xích Thổ, huyện Nho Quan	NM121		x			x			x			
122	Hà Nội	Ba Thá	Huyện Ứng Hòa	NM122		x			x			x			
123	Hà Nội	Cầu Chiếc	Huyện Thường Tín	NM123		x			x			x			
124	Hà Nội	Cầu Mai Lĩnh	Quận Hà Đông	NM124		x			x			x			
125	Hà Nội	Cầu Mới	Quận Thanh Xuân	NM125		x			x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
126	Hà Nội	Cầu Sét	Quận Hai Bà Trưng	NM126		x			x			x			
127	Hà Nội	Cầu Tó	Huyện Thanh Trì	NM127		x			x			x			
128	Hà Nội	Cống Liên Mạc	Huyện Quốc Oai	NM128		x			x			x			
129	Hà Nội	Cống Thần	Huyện Phú Xuyên	NM129		x			x			x			
130	Hà Nội	Cự Đà	Huyện Thanh Oai	NM130		x			x			x			
131	Hà Nội	Định Công (hạ lưu sông Lừ)	Quận Hoàng Mai	NM131		x			x			x			
132	Hà Nội	Đồng Quan	Huyện Thường Tín	NM132		x			x			x			
133	Hà Nội	Nghĩa Đô	Quận Cầu Giấy	NM133		x			x			x			
134	Hà Nội	Phúc La	Quận Hà Đông	NM134		x			x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
135	Hà Nội	Phương Liệt	Quận Thanh Xuân	NM135		x			x			x			
136	Hà Nội	Tế Tiêu	Huyện Mỹ Đức	NM136		x			x			x			
137	Hà Nội	Tựu Liệt	Huyện Thanh Trì	NM137		x			x			x			
138	Hà Nội	Trạm nước Phụng Châu	Phụng Châu, huyện Chương Mỹ	NM138		x				x		x			
V	**Mã - Chu**														
139	Điện Biên	Chống Sư - Điện Biên	Huyện Điện Biên Đông	NM139	x		x		x			x			
140	Điện Biên	Mường Luân	Huyện Điện Biên Đông	NM140		x			x			x			
141	Điện Biên	Na Su	Huyện Điện Biên Đông	NM141		x			x			x			
142	Sơn La	Trạm Sông Mã	Huyện Sông Mã	NM142		x				x			**x**		x

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
143	Sơn La	Bến phà Chiềng Cang	Huyện Sông Mã	NM143		x			x			x			
144	Sơn La	Cầu phao Chiềng Khoong	Huyện Sông Mã	NM144		x			x			x			
145	Sơn La	Cầu sông Mã	Huyện Sông Mã	NM145		x			x			x			
146	Sơn La	Cầu treo Chiềng Khương	Huyện Sông Mã	NM146		x			x			x			
147	Sơn La	Chiềng Cang	Chiềng Cang	NM147		x			x			x			
148	Thanh Hóa	Bá Thước	Huyện Bá Thước	NM148		x			x			x			
149	Thanh Hóa	Cầu Bản Lát	Huyện Mường Lát	NM149		x			x			x			
150	Thanh Hóa	Cầu Cẩm Thủy	Huyện Cẩm Thủy	NM150		x			x		x	x			
151	Thanh Hóa	Cầu Công	Huyện Cẩm Thủy	NM151		x			x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
152	Thanh Hóa	Cầu Hồi Xuân	Huyện Quan Hóa	NM152		x			x			x			
153	Thanh Hóa	Cầu Khe Ngang	Cầu Khe Ngang	NM153		x			x			x			
154	Thanh Hóa	Cầu Kiểu	Huyện Yên Định	NM154		x			x			x			
155	Thanh Hóa	Cầu La Hán	Huyện Bá Thước	NM155		x			x			x			
156	Thanh Hóa	Cầu Na Sài	Huyện Quan Hóa	NM156		x			x			x			
157	Thanh Hóa	Cầu Treo Cẩm Lương (LVS Mã Chu)	Huyện Cẩm Thủy	NM157		x			x			x			
158	Thanh Hóa	Cửa Đạt	Thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân	NM158		x		x	x		x	x			
159	Thanh Hóa	Nam Xuân	Nam Xuân	NM159		x			x			x			
160	Thanh Hóa	Trạm nước Thanh Hóa	Thành phố Thanh Hóa	NM160		x				x			x		x

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
161	Nghệ An	Trạm nước Nghệ An	Huyện Quế Phong	NM161		x				x			x		x
VI	**Sông Cả - La**														
162	Hà Tĩnh	Bùi Xá	Huyện Đức Thọ	NM162		x			x			x			
163	Hà Tĩnh	Cầu Linh Cảm	Huyện Đức Thọ	NM163		x			x			x			
164	Hà Tĩnh	Cầu Linh Cảm 1	Huyện Đức Thọ	NM164		x			x			x			
165	Hà Tĩnh	Cầu Mỹ Thịnh	Huyện Hương Sơn	NM165		x			x			x			
166	Hà Tĩnh	Sơn Trung	Huyện Hương Sơn	NM166		x			x			x			
167	Hà Tĩnh	Sơn Diệm	Huyện Hương Sơn	NM167		x			x			x			
168	Hà Tĩnh	Vụng Tròn	Huyện Hương Sơn	NM168		x			x			x			
169	Hà Tĩnh	Cầu treo Chợ Bộng	Huyện Đức Thọ	NM169		x			x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
170	Hà Tĩnh	Cầu Ngàn Trươi	Huyện Vũ Quang	NM170		x		x	x			x			
171	Hà Tĩnh	Hà Linh	Huyện Hương Khê	NM171		x			x			x			
172	Hà Tĩnh	Hương Khê	Huyện Hương Khê	NM172		x			x			x			
173	Hà Tĩnh	Cầu La Khê	Huyện Hương Khê	NM173		x			x			x			
174	Hà Tĩnh	Thủy điện Hố Hô	Huyện Hương Khê	NM174		x		x	x			x			
175	Hà Tĩnh	Sơn Ninh	Huyện Hương Sơn	NM175		x			x			x			
176	Hà Tĩnh	Sơn Kim	Sơn Kim	NM176		x			x			x			
177	Hà Tĩnh	Trạm Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	NM177		x				x			x		x
178	Nghệ An	Xá Lượng	Huyện Tương Dương	NM178		x			x			x			
179	Nghệ An	Cầu Mường Xén	Huyện Kỳ Sơn	NM179		x			x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
180	Nghệ An	Khe Ngầu	Huyện Tương Dương	NM180		x			x			x			
181	Nghệ An	Cầu Cửa Rào	Huyện Tương Dương	NM181		x			x			x			
182	Nghệ An	Cầu Bản Lau	Huyện Tương Dương	NM182		x			x			x			
183	Nghệ An	Cầu Tam Quang	Huyện Tương Dương	NM183		x			x			x			
184	Nghệ An	Cẩu treo Thanh Nam	Huyện Con Cuông	NM184		x			x			x			
185	Nghệ An	Đỉnh Sơn	Huyện Anh Sơn	NM185		x			x			x			
186	Nghệ An	Thị trấn Anh Sơn	Huyện Anh Sơn	NM186		x			x			x			
187	Nghệ An	Khai Sơn	Huyện Anh Sơn	NM187		x			x			x			
188	Nghệ An	Thuận Sơn	Huyện Đô Lương	NM188		x			x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
189	Nghệ An	Cầu Rộ	Huyện Thanh Chương	NM189		x			x			x			
190	Nghệ An	Cầu Nam Đàn	Huyện Nam Đàn	NM190		x			x			x			
191	Nghệ An	Cầu Yên Xuân	Huyện Hưng Nguyên	NM191		x			x			x			
192	Nghệ An	Hưng Khánh	Huyện Hưng Nguyên	NM192		x			x			x			
193	Nghệ An	Hưng Lợi	Huyện Hưng Nguyên	NM193		x			x			x			
194	Nghệ An	Cầu Bến Thủy	Huyện Nghi Xuân	NM194		x			x			x			
195	Nghệ An	Cầu Bến Thủy 2	Huyện Nghi Xuân	NM195		x			x			x			
196	Nghệ An	Hạnh Dịch	Huyện Quế Phong	NM196		x			x			x			
197	Nghệ An	Thịnh Văn	Huyện Quế Phong	NM197		x			x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
198	Nghệ An	Hoa Tiến	Huyện Quỳ Châu	NM198		x			x			x			
199	Nghệ An	Châu Tiến	Huyện Quỳ Châu	NM199		x			x			x			
200	Nghệ An	Châu Thắng	Huyện Quỳ Châu	NM200		x			x			x			
201	Nghệ An	Quỳ Châu	Huyện Quỳ Châu	NM201		x			x			x			
202	Nghệ An	Cầu Dinh	Huyện Yên Thành	NM202		x			x			x			
203	Nghệ An	Nghĩa Thịnh	Huyện Nghĩa Đàn	NM203		x			x			x			
204	Nghệ An	Nghĩa Hưng	Huyện Nghĩa Đàn	NM204		x			x			x			
205	Nghệ An	Thái Hòa	Thị xã Thái Hòa	NM205		x			x			x			
206	Nghệ An	Tân Kỳ	Huyện Tân Kỳ	NM206		x			x			x			
207	Nghệ An	Thành Sơn	Huyện Anh Sơn	NM207		x			x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
208	Nghệ An	Đô Lương	Huyện Đô Lương	NM208		x			x			x			
209	Nghệ An	Trung Lương	Huyện Tân Kỳ	NM209		x			x			x			
210	Nghệ An	Rào Đừng	Huyện Nghi Lộc	NM210		x			x			x			
VII	**Sông Hương**														
211	Thừa Thiên Huế	Thượng nguồn sông Tả Trạch	Hương Lộc, Nam Đông	NM211		x			x					x	
212	Thừa Thiên Huế	Thượng nguồn sông Hữu Trạch	Bình Thành, Tx. Hương Trà	NM212		x			x					x	
213	Thừa Thiên Huế	Ngã ba Tuần - bờ Bắc, Hữu Trạch	Sông Hữu Trạch, Hương Thọ, Hương Trà	NM213		x			x					x	
214	Thừa Thiên Huế	Ngã ba Tuần - bờ Nam, Tả trạch	Sông Tả Trạch, Thủy Bằng, Hương Trà	NM214		x			x					x	
215	Thừa Thiên Huế	Khu vực chợ Đông Ba	Phú Hòa, Tp Huế	NM215		x			x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
216	Thừa Thiên Huế	Ngã ba Sình	Phú Mậu, Phú Vang	NM216		x			x					x	
217	Thừa Thiên Huế	Phú Hậu	P. Phú Hậu, Tp Huế	NM217		x				x		x			
VIII	**Vu gia - Thu Bồn**														
218	Kon Tum	Đăk Man	Huyện Đăk Glei	NM218		x			x			x			
219	Quảng Nam	A Vương	Huyện Đông Giang	NM219		x			x			x			
220	Quảng Nam	Bến đò Tiên Lãnh	Huyện Tiên Phước	NM220		x			x			x			
221	Quảng Nam	Bình Sa	Bình Đào Huyện Duy Xuyên	NM221		x			x			x			
222	Quảng Nam	Cầu Bà Rén	Quế Xuân 1 Huyện Quế Sơn	NM222		x			x			x			
223	Quảng Nam	Cầu Vĩnh Điện	TT Vĩnh Điện huyện Điện Bàn	NM223		x			x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
224	Quảng Nam	Chợ bến cá Cẩm Hòa	Cẩm Hà, Tp Hội An	NM224		x			x			x			
225	Quảng Nam	Đại Đồng	Xã Đại Đồng huyện Đại Lộc	NM225		x			x			x			
226	Quảng Nam	Đại Quang	Đại Quang huyện Đại Lộc	NM226		x			x			x			
227	Quảng Nam	Phước Công	Phước Công huyện Phước Sơn	NM227		x			x			x			
228	Quảng Nam	Phước Hiệp	Phước Hiệp huyện Phước Sơn	NM228		x			x			x			
229	Quảng Nam	Phước Hòa	Phước Hòa huyện Phước Sơn	NM229		x			x			x			
230	Quảng Nam	Sau thủy điện sông Tranh 2	Huyện Bắc Trà My	NM230		x		x	x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
231	Quảng Nam	Sông Bung 2	Huyện Nam Giang	NM231		x		x	x			x			
232	Quảng Nam	Sông Bung 4	Huyện Nam Giang	NM232		x		x	x			x			
233	Quảng Nam	Thị trấn Bến Giằng	Huyện Nam Giang	NM233		x			x			x			
234	Quảng Nam	Thị trấn Thạnh Mỹ	Huyện Nam Giang	NM234		x			x			x			
235	Quảng Nam	Tiên Lập	Huyện Tiên Phước	NM235		x			x			x			
236	Quảng Nam	Trà Lập	Huyện Nam Trà My	NM236		x			x			x			
237	Quảng Nam	Trà Nam	Huyện Nam Trà My	NM237		x			x			x			
238	Quảng Nam	Ái Nghĩa	TT Ái Nghĩa huyện Đại Lộc	NM238		x			x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
239	Quảng Nam	Giao Thủy	Huyện Duy Xuyên	NM239		x			x			x			
240	Quảng Nam	Trạm thủy văn Nông Sơn	Huyện Nông Sơn	NM240		x			x		x	x			
241	Quảng Nam	Hội Khách	Huyện Đại Lộc	NM241		x			x			x			
242	Quảng Nam	Trước thủy điện sông Tranh	Huyện Bắc Trà My	NM242		x		x	x			x			
243	Quảng Nam	Hội An	Thành phố Hội An	NM243		x				x			x	x	
244	Đà Nẵng	Cầu Cẩm Lệ	Quận Cẩm Lệ	NM244		x			x			x			
245	Đà Nẵng	Cầu Đỏ (thành phố Đà Nẵng)	Quận Cẩm Lệ	NM245		x			x			x			
246	Đà Nẵng	Cầu Thuận Phước	Quận Hải Châu	NM246		x			x			x			
247	Đà Nẵng	Cầu Tuyên Sơn	Quận Hải Châu	NM247		x			x			x			
248	Đà Nẵng	Thuận Phước	Quận Hải Châu	NM248		x				x				x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
IX	**Sê San**														
249	Kon Tum	Rờ Kơi - sông Sa Thầy	Rờ Kơi, huyện Sa Thầy	NM249		x			x				x	x	
250	Kon Tum	Cầu Đỏ - sông Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy	NM250		x			x				x	x	
251	Kon Tum	Ya Xiêr (trước lòng hồ Yaly)	Xã Ya Xiêr, huyện Sa Thầy	NM251	x				x				x	x	
252	Kon Tum	Thượng nguồn sông Krông Pôkô	Xã Đắk Pek, huyện Đăk Glei	NM252		x			x				x	x	
253	Kon Tum	Đăk Môn	Xã Đăk Môn, huyện Đăk Glei	NM253		x			x				x	x	
254	Kon Tum	Đăk Dục	Đăk Dục, huyện Ngọc Hồi	NM254		x			x				x	x	
255	Kon Tum	Sông Đăk Tờ Kan - xã Đăk Trăm	Xã Đăk Trăm, huyện Đăk Tô	NM255		x			x				x	x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
256	Kon Tum	Sông Đăk Tờ Kan - xã Kon Đào	Xã Kon Đào, huyện Đăk Tô	NM256		x			x				x	x	
257	Kon Tum	Sông Krông Pôkô - xã Pô Kô	Xã Pô Ko, huyện Đăk Tô	NM257		x			x				x	x	
258	Kon Tum	Cầu Đăk Man	TT Đăk Glei, huyện Đăk Glei	NM258		x			x				x	x	
259	Kon Tum	Cầu treo TT Đăk Rve	TT Đăk Rve, huyện Kon Rẫy	NM259		x			x				x	x	
260	Kon Tum	Nhập lưu sông Đăk Akoi. Đăk Snghé và Đăk Pone	Huyện Kon Rẫy	NM260		x			x				x	x	
261	Kon Tum	Trước NM nước Kon Tum	Thành phố Kon Tum	NM261		x			x				x	x	
262	Kon Tum	Cầu sắt - sau NM đường Kon Tum	Thành phố Kon Tum	NM262		x			x				x	x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
263	Kon Tum	Trạm nước thành phố Kon Tum	Thành phố Kon Tum	NM263		x				x					x
264	Kon Tum	Điểm sông Poko trước khi chảy vào lòng hồ YaLy	Sa Bình, huyện Sa Thầy	NM264		x			x				x	x	
265	Kon Tum	Điểm sông Đăkbla trước khi chảy vào lòng hồ YaLy	Sa Bình, huyện Sa Thầy	NM265		x			x				x	x	
266	Kon Tum	Hồ thủy điện Sesan 3	Yaly, huyện Sa Thầy	NM266		x		x	x				x	x	
267	Gia Lai	Hồ thủy điện Sesan 3A	Ia Krai, Ia Grai	NM267		x		x	x				x	x	
268	Gia Lai	Hồ Ia Tô	Xã Ia Tô, huyện Ia Grai	NM268		x		x	x				x	x	
269	Gia Lai	Hồ thủy điện Ia Grai 3	Huyện Ia Grai	NM269		x		x	x				x	x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
270	Gia Lai	Hạ lưu sông Ia Ichom	Xã Ia Khai, huyện Ia Grai	NM270		x			x				x	x	
271	Gia Lai	Cầu Sesan, QL14C	Xã Ia O, huyện Ia Grai	NM271		x			x				x	x	
272	Gia Lai	Hồ thủy điện Sesan 4A	Xã Ia O, huyện Ia Grai	NM272		x		x	x				x	x	
273	Gia Lai	Hạ lưu TĐ Sê San 4	Xã Mô Rai. huyện Ia Grai	NM273		x		x	x				x	x	
X	**Srê Pok**														
274	Lâm Đồng	Thượng nguồn sông SrePok	Đưng K'Nớ, Lạc Dương	NM274		x			x				x	x	
275	Lâm Đồng	Đạ M'Rông	Xã Đạ M'Rông, Đam Rông	NM275		x			x				x	x	
276	Đăk Nông	KDC Quảng Phú	Quảng Phú, Kroong Nô	NM276		x			x				x	x	
277	Đăk Nông	Bến phà Trường Tuyết	Buôn Choah, Krông Nô	NM277		x			x				x	x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
278	Đăk Lăk	Sau thủy điện Krong Nô 3	Krông Nô, Lăk	NM278		x		x	x				x	x	
279	Đăk Lăk	Cầu Đạ Rsal	Nam Ka, huyện Lăk	NM279		x			x				x	x	
280	Đăk Lăk	Lòng hồ thủy điện Buôn Tua Srah	Nam Ka, huyện Lăk	NM280		x		x	x				x	x	
281	Đăk Lăk	Cầu Nam Ka	Nam Ka, huyện Lăk	NM281		x			x				x	x	
282	Đăk Lăk	Yang Mao	Yang Mao, huyện Krong Bông	NM282		x			x				x	x	
283	Đăk Lăk	Buôn M'trong	Huyện M'Đrăk	NM283		x			x				x	x	
284	Đăk Lăk	Cầu thôn 3, xã Hòa Phong	Xã Hòa Phong, huyện Krông Bông	NM284		x			x				x	x	
285	Đăk Lăk	Cầu chữ V	Xã Khuê Ngọc Điền, huyện Krông Bông	NM285		x			x				x	x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
286	Đăk Lăk	Cầu Giang Sơn - quốc lộ 27	Yang Ré, huyện Krong Bông	NM286		x			x				x	x	
287	Đăk Lăk	Buôn Trấp	Buôn Trấp, huyện Krong Ana	NM287		x			x				x	x	
288	Đăk Lăk	Hợp lưu Krông Ana và Krông Nô (Sông ngã 6)	Ea Na, huyện KRông Ana	NM288		x			x				x	x	
289	Đăk Lăk	Lòng hồ thủy điện Buôn Kuop	Ea Na, huyện KRông Ana	NM289		x		x	x				x	x	
290	Đăk Lăk	Cầu 14	Hòa Phú, Tp Buôn Ma Thuột	NM290		x			x				x	x	
291	Đăk Lăk	Hồ thủy điện SrePok 3	Ea Nuôi, huyện Buôn Đôn	NM291		x		x	x				x	x	
292	Đăk Lăk	Cầu Srêpôk - quốc lộ 14C	Xã Krông Na, huyện Buôn Đôn	NM292		x			x				x	x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
293	Đăk Lăk	Sau KDL Bản Đôn	Krong Na, huyện Buôn Đôn	NM293		x			x				x	x	
294	Đăk Lăk	Trước kênh dẫn thủy điện SrePok 4	Krong Na, huyện Buôn Đôn	NM294		x			x				x	x	
295	Đăk Lăk	Gần đồn biên phòng 743	Đường 14C, huyện Buôn Đôn	NM295		x			x				x	x	
296	Đăk Lăk	Trạm nước Bản Đôn	Bản Đôn, huyện Buôn Đôn	NM296		x				x					x
XI	**Sông Ba**														
297	Đắk Lắk	Ea Riêng	Ea Riêng, huyện M'Đrak	NM297		x			x				x	x	
298	Đắk Lắk	Krông H'Năng đoạn qua NM bột sắn EaKar	Xã Ea Sar, huyện Eakar	NM298		x			x				x	x	
299	Đắk Lắk	Hồ thủy điện Krông H' năng	Huyện M'Đrak	NM299		x		x	x				x	x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
300	Gia Lai	Trước lòng hồ thủy điện Ka Nak	Đak Smar, huyện K'Bang	NM300		x		x	x				x	x	
301	Gia Lai	Sau đập thủy điện Ka Nak	Trước TT K'Bang, huyện K'Bang	NM301		x		x	x				x	x	
302	Gia Lai	Cầu qua Sông Ba gần xã Nghĩa An	Nghĩa An, huyện K'Bang	NM302		x			x				x	x	
303	Gia Lai	Hồ Bến Tuyết - Xuân An	Xuân An, thị xã An Khê	NM303		x		x	x				x	x	
304	Gia Lai	Trước lòng hồ thủy điện An Khê	Huyện K'Bang	NM304		x		x	x				x	x	
305	Gia Lai	Sau đập thủy điện An Khê	Tx An Khê	NM305		x			x				x	x	
306	Gia Lai	An Khê	An Khê, phường An Bình, thị xã An Khê	NM306		x		x	x		x	x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
307	Gia Lai	Cầu Sông Ba - quốc lộ 19	Phường An Bình, Tx An Khê	NM307		x			x				x	x	
308	Gia Lai	Cầu Yang Trung	TT Kong Chro, huyện Kong Chro	NM308		x			x				x	x	
309	Gia Lai	Cầu Ia Kdam	Ia Mron, huyện Ia Pa	NM309		x			x				x	x	
310	Gia Lai	Cầu Ayun - quốc lộ 19	Đak Ta Lay, huyện Mang Yang	NM310		x			x				x	x	
311	Gia Lai	Hồ thủy điện Ayun thượng 1A	Huyện Đăk Đoa	NM311		x		x	x				x	x	
312	Gia Lai	Hồ Ayun hạ	H'Bông, huyện Chư Sê	NM312		x		x	x				x	x	
313	Gia Lai	Khu vực mương thủy lợi Ayun Hạ	Ayun Hạ, huyện Phú Thiện	NM313		x			x				x	x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
314	Gia Lai	Ia Sol	Ia Sol, huyện Phú Thiện	NM314		x			x				x	x	
315	Gia Lai	Cầu Quý Đức	Gần ngã 3 Cây Xoài, Ia Trok, huyện Ia Pa	NM315		x			x				x	x	
316	Gia Lai	Cầu Bến Mộng	Ia Broai, huyện Ia Pa	NM316		x			x				x	x	
317	Gia Lai	Cầu Lệ Bắc	Ia R'Sươm, huyện Krong Pa	NM317		x			x				x	x	
318	Gia Lai	Cầu Phú Cần	Phú Cần, huyện Krong Pa	NM318		x			x				x	x	
319	Gia Lai	Cầu Krông H' năng	Krong Năng, huyện Krong Pa	NM319		x			x				x	x	
320	Phú Yên	Buôn Hóc	Huyện Sơn Hòa	NM320		x			x				x	x	
321	Phú Yên	Hồ Thủy điện Ba Hạ	Huyện Sông Hinh	NM321		x		x	x				x	x	
322	Phú Yên	Giáp ranh Đăk Lak - Phú Yên	Ealy, huyện Sông Hinh	NM322		x			x				x	x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
323	Phú Yên	Hồ Sông Hinh	Huyện Sông Hinh	NM323		x		x	x				x	x	
324	Phú Yên	Cầu Sông Hinh	Ea Bia, huyện Sông Hinh	NM324		x			x				x	x	
325	Phú Yên	Đập Đồng Cam	Sơn Thành Đông, huyện Tây Hòa	NM325		x		x	x				x	x	
326	Phú Yên	Hòa Định Đông	TT Phú Hòa, huyện Phú Hòa	NM326		x			x				x	x	
327	Phú Yên	Cầu Đà Rằng	Hòa An, huyện Phú Hòa	NM327		x			x				x	x	
328	Phú Yên	Hạ lưu sông Ba	Phường 4, TP Tuy Hòa	NM328		x			x				x	x	
329	Phú Yên	Trạm nước Tuy Hòa	Phường 4, TP Tuy Hòa	NM329		x				x			x		x
330	Phú Yên	Phú Hòa	Hòa Hội, huyện Phú Hòa	NM330		x				x					x

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
XII	**Lưu vực sông Đồng Nai**														
XII.1	**Sông Đồng Nai**														
331	Đắk Nông	Trạm nước Đắc Nông	Tỉnh Đắc Nông	NM331		x				**x**			**x**		**x**
332	Lâm Đồng	Hồ Đơn Dương	Xã D'Ran, huyện Đơn Dương	NM332		x			x					x	
333	Lâm Đồng	Cầu Quảng Lập	Thị trấn Thạnh Nghĩa, huyện Đơn Dương	NM333		x			x					x	
334	Lâm Đồng	Cầu Tân Văn	Xã Tân Văn, huyện Lâm Hà	NM334		x			x					x	
335	Lâm Đồng	Cầu Phú Hội	Xã Phú Hội, huyện Đức Trọng	NM335		x			x					x	
336	Lâm Đồng	Hồ Đại Ninh	Xã Phú Hội, huyện Đức Trọng	NM336		x			x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
337	Lâm Đồng	Hồ Thủy điện Đồng Nai 2	Xã Tân Thượng, huyện Di Linh	NM337		x			x					x	
338	Lâm Đồng	Hồ Thủy điện Đồng Nai 3	Xã Lộc Phú, huyện Bảo Lâm	NM338		x			x					x	
339	Lâm Đồng	Hồ Thủy điện Đồng Nai 4	Xã Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm	NM339		x			x					x	
340	Lâm Đồng	Hồ Thủy điện Đồng Nai 5	Xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm	NM340		x			x					x	
341	Lâm Đồng	Cầu Phước Cát	Thị trấn Phước Cát 1, huyện Cát Tiên	NM341		x				x			x		x
342	Đồng Nai	Cầu Đăk Lua	Xã Đăk Lua, huyện Tân Phú	NM342		x			x					x	
343	Đồng Nai	Bến Phà Nam Cát Tiên	Xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú	NM343		x			x			x			
344	Đồng Nai	Cầu Tà Lài	Xã Tà Lài, huyện Tân Phú	NM344		x			x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
345	Đồng Nai	Cầu Thanh Sơn	Xã Thanh Sơn, huyện Định Quán	NM345		x			x					x	
346	Đồng Nai	Hợp lưu sông Đồng Nai - Hồ Trị An	Xã Ngọc Định, huyện Định Quán	NM346		x			x			x			
347	Đồng Nai	Hồ Trị An (hồ chính)	Xã La Ngà, huyện Định Quán	NM347		x			x			x			
348	Đồng Nai	Hồ Trị An KV Đập thủy điện (Đập Trị An)	Xã Hiếu Liêm, huyện Vĩnh Cửu	NM348		x			x			x			
349	Đồng Nai	Hợp lưu Sông Bé - Sông Đồng Nai	Xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu	NM349		x			x					x	
350	Đồng Nai	Bến đò Đại An	Xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu	NM350		x			x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
351	Đồng Nai	Thượng lưu NM nước Thiện Tân (500 m)	Xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu	NM351		x			x			x			
352	Đồng Nai	Bến Phà Bà Miêu	Xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu	NM352		x			x					x	
353	Bình Dương	Cầu Bạch Đằng	Thị trấn Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên	NM353		x			x					x	
354	Bình Dương	Cầu Bạch Đằng 2	Phường Cầu Bạch đằng, Uyên Hưng, Tân Uyên,	NM354		x			x					x	
355	Bình Dương	Bến đò Tân Lương	Phường Thạnh Phước, TP Tân Uyên	NM355		x			x					x	
356	Bình Dương	Cầu Thạnh Hội	Phường Thạnh Phước, TX Tân Uyên	NM356		x			x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
357	Bình Dương	Bến đò Bửu Long - Tân Ba	Phường Bửu Long, TP Biên Hòa và phường Thái Hòa, TP Tân Uyên	NM357		x			x					x	
358	Đồng Nai	Trạm Bơm Hóa An	Phường Hóa An, thành phố Biên Hòa	NM358		x			x					x	
359	Đồng Nai	Cầu Thống Nhất	Phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa	NM359		x			x					x	
360	Đồng Nai	Cầu Bửu Hòa	Phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa	NM360		x			x					x	
361	Đồng Nai	Cầu Đồng Nai	Phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa	NM361		x			x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
362	TP Hồ Chí Minh	Bến đò Hội Sơn	Phường Long Bình, TP Thủ Đức	NM362		x			x					x	
363	TP Hồ Chí Minh	Long Phước	Phường Long Phước, TP Thủ Đức	NM363		x			x					x	
364	TP Hồ Chí Minh	Cầu Nhơn Trạch	Thành phố Thủ Đức	NM364		x			x					x	
365	TP Hồ Chí Minh	Bến phà Cát Lái	Phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức	NM365		x			x			x			
366	TP Hồ Chí Minh	Mũi đèn đỏ	Phường Phú Thuận, quận 7	NM366		x			x					x	
367	TP Hồ Chí Minh	Tổng kho xăng dầu nhà Bè	Xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè	NM367		x			x					x	
368	Đồng Nai	KCN Ông Kèo	Xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch	NM368		x			x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
369	TP Hồ Chí Minh	Tam Thôn Hiệp	Xã Tam Thôn Hiệp, huyện Cần giờ	NM369		x			x					x	
370	TP Hồ Chí Minh	Cầu Phước Khánh	Xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ	NM370		x			x					x	
371	TP Hồ Chí Minh	Sông Soài Rạp - KCN Hiệp Phước	Xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè	NM371		x			x					x	
372	TP Hồ Chí Minh	Bến Phà Hiệp Phước Doi Lầu	Xã An Thới Đông, huyện Cần Giờ	NM372		x			x					x	
373	TP Hồ Chí Minh	Hợp lưu Sông Soài Rạp và sông Vàm Cỏ	Xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ	NM373		x			x					x	
374	Đồng Nai	Trạm Tà Lài	Xã Tà Lài, Tân Phú	NM374		x				x		x			
375	Bình Dương	Trạm Thủy Văn Tân Uyên	Xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên	NM375		x				**x**	**x**	**x**			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
376	Đồng Nai	Trạm Tân Hạnh	Xã Tân Hạnh, TP Biên Hòa	NM376		x				x		x			
377	Đồng Nai	Trạm KCN Biên Hòa	Phường An Bình, TP Biên Hòa	NM377		x				x		x			
378	Đồng Nai	Trạm Phường Quyết Thắng	Phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hoà	NM378		x				x		x			
379	Đồng Nai	Trạm Nhơn Trạch	Sông Đồng Nai - Nhơn Trạch	NM379		x				x		x			
XII.2	**Sông Sài Gòn - sông cấp 1 liên tỉnh**														
380	Bình Phước	Cầu Sài Gòn Bình Phước	Xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản	NM380		x			x			x			
381	Tây Ninh	Cầu Tha La	Thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu	NM381		x			x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
382	Tây Ninh	Hồ Dầu Tiếng (KV Gần đập)	Xã Phước Ninh, huyện Dương Minh Châu	NM382		x		x	x			x			
383	Bình Dương	Dầu Tiếng	Thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng	NM383		x			x		x	x			
384	Bình Dương	Cầu Tàu	Thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng	NM384		x			x			x			
385	Bình Dương	Cầu Bến Súc	Xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng	NM385		x			x			x			
386	Tây Ninh	Đôn Thuận	Xã Đôn Thuận, huyện Trảng Bàng	NM386		x			x				x	x	
387	Tp Hồ Chí Minh	Bến đò Cá Lăng	Xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi	NM387		x			x				x	x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
388	Bình Dương	Bến đò An Phú	Xã An Tây, thị xã Bến Cát	NM388		x			x				x	x	
389	Bình Dương	Hợp lưu Sông Thị Tính - Sông Sài Gòn	Phường Tân An, thành phố Thủ Dầu Một	NM389		x			x			x			
390	Bình Dương	Trạm bơm Hòa Phú	Phường Tân An, TP Thủ Dầu Một	NM390		x			x				x	x	
391	Bình Dương	Bến đò Thủ Dầu Một - Bình Mỹ	Phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một	NM391		x			x			x			
392	Bình Dương	Phà An Sơn - Nhị Bình	Xã An Sơn, thành phố Thuận An	NM392		x			x				x	x	
393	TP Hồ Chí Minh	Cầu Bình Phước, quốc lộ 1A	Phường An Phú Đông, quận 12	NM393		x			x				x	x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
394	TP Hồ Chí Minh	Cầu Bình Triệu	Phường 26, quận Bình Thạnh	NM394		x			x			x			
395	TP Hồ Chí Minh	Hợp lưu Rạch Chiếc - Sông Sài Gòn	Phường 28, quận Bình Thạnh	NM395		x			x				x	x	
396	TP Hồ Chí Minh	Cầu Sài Gòn	Phường 25, quận Bình Thạnh	NM396		x			x				x	x	
397	TP Hồ Chí Minh	Cầu Ba Son	Phường Bến Nghé, quận 1	NM397		x			x			x			
398	TP Hồ Chí Minh	Bến Nhà Rồng	Phường 12, quận 4	NM398		x			x			x			
399	TP Hồ Chí Minh	Cảng Tân Thuận	Phường Tân Thuận Đông, quận 7	NM399		x			x			x			
400	TP Hồ Chí Minh	Cầu Phú Mỹ	Phường Phú Thuận Đông, quận 7	NM400		x			x				x	x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
401	Bình Dương	Phú Thọ	Phường Phú Thọ, TP Thủ Dầu Một	NM401		x			x		x	x			
402	Hồ Chí Minh	Bến Nghé	Bến Nghé, quận 1	NM402		x			x		x	x	x		
403	Hồ Chí Minh	Bình Thạnh	Phường 27, Bình Thạnh	NM403		x				x			x	x	
404	Hồ Chí Minh	Thành phố Thủ Đức	Phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức	NM404		x				x				x	
XII.3	**Sông Thị Vải sông cấp 1 liên tỉnh**														
405	Đồng Nai	Hợp lưu suối Cả và sông Thị Vải	Xã Phước An, huyện Nhơn Trạch	NM405		x			x			x			
406	Đồng Nai	Cảng Gò Dầu	Xã Phước Thái, huyện Long Thành	NM406		x			x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
407	Đồng Nai	Cầu Phước An	Xã Phước An, huyện Nhơn Trạch	NM407		x			x					x	
408	Bà Rịa - Vũng Tàu	Cảng Phú Mỹ	Phường Phú Mỹ, Tx Phú Mỹ	NM408		x			x			x			
409	Bà Rịa - Vũng Tàu	Cảng Cái Mép	Cảng Cái Mép (Cảng Tân Cảng Cái Mép)	NM409		x			x			x			
410	Đồng Nai	Sông Thị Vải - Cảng Gò Dầu, Long Thành, Đồng Nai	Sông Thị Vải - Cảng Gò Dầu, Long Thành	NM410		x				x		x			
411	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trạm cầu dẫn TTNĐ Phú Mỹ	Thị xã Phú Mỹ	NM411		x				x		x			
412	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trạm đảm bảo An toàn Hàng Hải	Thị xã Phú Mỹ	NM412		x				x		x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
413	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trạm Cầu Chà	Trạm Cầu Chà Và, xã Long Sơn	NM413		x				x		x			
XII.4	**Sông Bé - sông cấp 1 liên tỉnh**														
414	Bình Phước	Hồ Thác Mơ	Xã Phước Tín, thị xã Phước Long	NM414		x		x	x			x			
415	Bình Phước	Cầu Trà Thanh	Xã Long Hà, huyện Bù Gia Mập	NM415		x			x				x	x	
416	Bình Phước	Cầu Sông Bé Mới	Xã Tân Hưng, huyện Hơn Quản	NM416		x			x				x	x	
417	Bình Phước	Cầu Nha Bích (QL14)	Xã Minh Lập, huyện Chơn Thành	NM417		x			x			x			
418	Bình Phước	Hồ Phước Hòa	Xã Minh Thành, huyện Chơn Thành	NM418		x		x	x			x			
419	Bình Dương	Cầu An Linh	Xã An Linh, huyện Phú Giáo	NM419		x			x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
420	Bình Dương	SB - Cầu Sông Bé Phước Hòa	Xã Vĩnh Hòa, huyện Phú Giáo	NM420		x			x					x	
421	Bình Dương	Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo	Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo	NM421		x			x		x	x			
422	Bình Dương	Cầu Tam Lập	Xã Tam Lập, TP. Tân Uyên	NM422		x			x					x	
423	Bình Dương	Khu DL Mắt Xanh	Xã Tân Định, Tân Uyên	NM423		x			x		x			x	
XII.5	**Sông La Ngà - sông cấp 1 liên tỉnh**														
424	Bình Thuận	Hồ Hàm Thuận	Xã Đông Tiến, huyện Hàm Thuận Bắc	NM424		x		x	x					x	
425	Bình Thuận	Cầu La Ngâu	Xã La Ngâu, huyện Tánh Linh	NM425		x			x					x	
426	Bình Thuận	Cầu Tà Pao	Xã Đồng Kho, huyện Tánh Linh	NM426		x			x		x	x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
427	Bình Thuận	Cầu Võ Xu	Xã Võ Xu, huyện Đức Linh	NM427		x			x					x	
428	Bình Thuận	Cầu Bến Thuyền	Xã Đức Tín, huyện Đức Linh	NM428		x			x					x	
429	Đồng Nai	Cầu La Ngà	Xã La Ngà, huyện Định Quán	NM429		x			x					x	
430	Đồng Nai	Phú Nghiệp	Phú Nghiệp, xã Gia Canh, huyện Định Quán	NM430		x			x		x	x			
XII.6	**Sông Vàm Cỏ - sông cấp 1 liên tỉnh**														
431	Tây Ninh	KV Đường tuần tra Biên giới	Xã Phước Vĩnh, huyện Châu Thành	NM431	x		x		x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
432	Tây Ninh	Cầu Cây Ổi	Xã Phước Vinh, huyện Châu Thành	NM432		x			x					x	
433	Tây Ninh	Cầu Bến Sỏi	Xã Trí Bình, huyện Châu Thành	NM433		x			x					x	
434	Tây Ninh	Cảng Bến Kéo	Xã Long Thành Nam, huyện Hòa Thành	NM434		x			x					x	
435	Tây Ninh	Cầu Gò Chai	Xã Thanh Điền, huyện Châu Thành	NM435		x			x			x			
436	Tây Ninh	Cầu Gò Dầu	Thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu	NM436		x			x			x			
437	Long An	Bến đò Lộc Giang	Xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa	NM437		x			x					x	
438	Long An	Cầu Đức Huệ	Thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ	NM438		x			x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
439	Long An	Cầu Đức Hòa	Xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa	NM439		x			x					x	
440	Long An	Hợp lưu kênh An Hạ - Vàm Cỏ Đông	Xã Lương Bình, huyện Bến Lức	NM440		x			x			x			
441	Long An	Cầu Bến Lức	Thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức	NM441		x			x		x	x			
442	Long An	Phà Long Sơn	Xã Long Cang, huyện Cần Đước	NM442		x			x					x	
443	Long An	Hợp lưu sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây	Xã Phước Tuy, huyện Cần Đước	NM443		x			x			x			
444	Long An	Cầu Mỹ Lợi	Xã Phước Đông, huyện Cần Đước	NM444		x			x					x	
445	Long An	Bến đò Lò Gạch, TX Kiến Tường	Phường 1, TX Kiến Tường	NM445		x			x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
446	Long An	Cầu Tuyên Nhơn	Thị trấn Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa	NM446		x			x					x	
447	Long An	Bến đò Bắc Đông	Xã Mỹ An, huyện Thủ Thừa	NM447		x			x					x	
448	Long An	Bến đò Chú Tiết	Phường 3, TP Tân An	NM448		x			x					x	
449	Long An	Phà Tân Trụ	TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ	NM449		x			x					x	
450	Long An	Bến đò Nhựt Ninh	Xã Nhựt Ninh, huyện Tân Trụ	NM450		x			x					x	
451	Long An	Mộc Hóa	Mộc Hóa, phường 1, thị xã Kiến Tường	NM451		x			x		x	x			
452	Long An	Tân An, phường 2, TP Tân An	Tân An, phường 2, TP Tân An	NM452		x			x		x	x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
XIII	**Sông Tiền**														
453	An Giang	Tân Châu	Phường Long Thạnh TX Tân Châu	NM453	x		x			x	x	x			
454	An Giang	Bến đò Thường Phước	Xã Vĩnh Xương, huyện Tân Châu	NM454		x	x		x			x			
455	An Giang	Phà Tân Châu - Hồng Ngự	Phường Long Châu, TX Tân Châu	NM455		x	x		x			x			
456	An Giang	Bến Phà Chợ Vàm - An Hòa	Thị trấn Chợ Vàm, Phú Tân	NM456	x		x		x		x	x			
457	An Giang	Bến phà Doi Lửa	Xã Long Điền A, huyện Chợ Mới	NM457		x			x			x			
458	An Giang	Bến đò Mương Chùa	Xã Mỹ Hiệp, huyện Chợ Mới	NM458		x			x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
459	Đồng Tháp	Bến phà Cao Lãnh	Phường 6, TP Cao Lãnh	NM459		x			x					x	
460	Đồng Tháp	Phà Sa Đéc	Phường 4, TP. Sa Đéc	NM460		x			x			x			
461	Vĩnh Long	Cầu Mỹ Thuận	Xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè và xã Tân Ngãi, TP Vĩnh Long	NM461		x			x					x	
462	Tiền Giang	Bến phà Tân Phong - Cái Bè	TT. Cái Bè, huyện Cái Bè	NM462		x			x					x	
463	Tiền Giang	Phà Thới Lộc	Xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy	NM463		x			x					x	
464	Tiền Giang	Hợp lưu kênh Đào Nguyễn Tất Thành - sông Tiền	Xã Song Thuận, huyện Châu Thành	NM464		x			x			x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
465	Tiền Giang	Trạm Cái Bè	Huyện Cái Bè	NM465		x				x			x		x
466	Tiền Giang	Hợp lưu sông Bảo Định và sông Hậu	Phường 1, thành phố Mỹ Tho	NM466		x			x			x			
467	Tiền Giang	Bến phà Hòa Định - Cồn Tàu Tam Hiệp	Xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo	NM467		x			x					x	
468	Tiền Giang	Bến phà Bến Chùa	Xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông	NM468		x			x					x	
469	Tiền Giang	Bến Phà Bình Tân - Cửa Đại	Xã Phú Đông, huyện Tân Phú Đông	NM469		x			x					x	
470	Vĩnh Long	Phà An Bình	Phường 1, TP Vĩnh Long	NM470		x			x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
471	Vĩnh Long	Bến phà An Phước	Xã An Phước, huyện Mang Thít	NM471		x			x					x	
472	Vĩnh Long	Mỹ Thuận	Mỹ Thuận, xã Tân Ngãi, TP Vĩnh Long	NM472		x				x	x	x			
473	Trà Vinh	Bến phà Long Trị	Xã Long Đức, TP Trà Vinh	NM473		x			x					x	
474	Bến Tre	KCN An Hiệp	Xã An Hiệp, TP. Bến Tre	NM474		x			x					x	
475	Bến Tre	Hợp lưu sông Bến Tre - sông Hàm Luông	Phường 7, TP Bến Tre	NM475		x			x					x	
476	Bến Tre	Bến Phà Hưng Lễ Phú Khánh	Xã Phú Khánh, huyện Thạnh Phú	NM476		x			x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
XIV	**Sông Hậu**														
477	An Giang	Thị trấn Long Bình	Thị trấn Long Bình, huyện An Phú	NM477		x	x		x					x	
478	An Giang	Thị trấn An Phú	Thị trấn An Phú, huyện An Phú	NM478		x			x					x	
479	An Giang	Cầu Châu Đốc	Xã Châu Phú B, TP Châu Đốc	NM479		x			x					x	
480	An Giang	Bến phà Cái Dầu	Thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú	NM480		x			x					x	
481	An Giang	Bến phà Sơn Đốt	Xã An Châu, huyện Châu Thành	NM481		x			x					x	
482	An Giang	Bến phà An Hòa	Phường Mỹ Long, TP Long Xuyên	NM482		x			x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
483	An Giang	Sông Tiền đoạn chảy qua cầu Cái Vừng	Đầu cầu Cái Vừng - thị xã Tân Châu	NM483		x	x		x					x	
484	An Giang	TP Châu đốc	TP Châu đốc	NM484		x				x				x	
485	Cần Thơ	Cầu Vàm Cống	Phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP Cần Thơ	NM485		x			x					x	
486	Cần Thơ	Bến đò Cái Dứa - Bằng Tăng	Phường Thới Long, quận Ô Môn, TP Cần Thơ	NM486		x			x					x	
487	Cần Thơ	Bến đò khu công nghiệp Trà Nóc - Tân Bình	Phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ	NM487		x			x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
488	Cần Thơ	Hợp lưu sông Cần Thơ - Sông Hậu	Phường Hưng Phú, quận Cái Răng, TP Cần Thơ	NM488		x			x					x	
489	Cần Thơ	Cảng Cái Cui	Phường Tân Phú, quận Cái Răng, TP Cần Thơ	NM489		x			x					x	
490	Sóc Trăng	Bến phà Cái Côn - Trà Ôn	Xã An Lạc Thôn, huyện Kế Sách	NM490		x			x					x	
491	Sóc Trăng	Bến phà Đường Đức	Xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách	NM491		x			x					x	
492	Trà Vinh	Bến đò Bến Bạ	Xã Hàm Tân, huyện Trà Cú	NM492		x			x					x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
493	Sóc Trăng	Khu vực nhiệt điện Long Phú	Xã Long Đức, Long Phú	NM493		x			x					x	
494	Cần Thơ	Cái Khế	Phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ	NM494		x			x		x	x			
495	Cần Thơ	KV phường Cái Khế	Phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ	NM495		x			x					x	
496	Cần Thơ	Điểm giáp ranh 3 tỉnh An Giang - Đồng Tháp - Cần Thơ	Gần Vàm Cái Sắn, cầu Cái Sắn	NM496		x				x				x	
497	Kiên Giang	Cửa Sông Dương Đông	Phường Dương Đông, TP Phú Quốc	NM497		x				x				x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên điểm/ trạm quan trắc	Vị trí quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Phân loại theo mục đích				Hình thức quan trắc		Lồng ghép với trạm thủy văn	Hiện có	Trong quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Nền	Tác động	Xuyên biên giới	Quan trắc hồ trên sông	Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
498	Kiên Giang	Cầu Bến Tràm	Phường Dương Đông, TP Phú Quốc	NM498		x				x				x	
499	Kiên Giang	Cầu Hùng Vương	Phường Dương Đông, TP Phú Quốc	NM499		x				x				x	
	Tổng				**6**	**493**	**14**	**33**	**440**	**59**	**22**	**260**	**108**	**216**	**23**

Phụ lục III

DANH SÁCH CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG VÙNG CỬA SÔNG VEN BIỂN QUY HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên cửa sông	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động			2021 - 2030	2031 - 2050
1	Quảng Ninh	Ka Long	Thành phố Móng Cái	CS1	x		x			
2	Quảng Ninh	Đầm Hà - Sông Cẩm Phả	Thị trấn Đầm Hà, huyện Đầm Hà	CS2	x				x	
3	Quảng Ninh	Tiên Yên - Sông Ba Chẽ	Huyện Tiên Yên	CS3	x				x	
4	Quảng Ninh	Cửa Lục - Bãi Cháy	Thành phố Hạ Long	CS4	x		x			
5	Quảng Ninh	Sông Bình Hương	Thành phố Uông Bí	CS5	x		x			
6	Quảng Ninh	Sông Chanh	Thị xã Quảng Yên	CS6	x		x			
7	Hải Phòng	Sông Bạch Đằng	Quận Hải An	CS7	x		x			
8	Hải Phòng	Sông Lạch Tray	Quận Dương Kinh	CS8	x		x			
9	Hải Phòng	Sông Văn Úc	Huyện Tiên Lãng	CS9	x			x	x	
10	Thái Bình	Sông Thái Bình	Huyện Thái Thụy	CS10	x		x			
11	Thái Bình	Sông Trà Lý	Huyện Thái Thụy	CS11	x		x			

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên cửa sông	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động			2021 - 2030	2031 - 2050
12	Nam Định	Ba Lạt	Huyện Giao Thủy	CS12	x		x			
13	Nam Định	Sông Ninh Cơ	Huyện Nghĩa Hưng	CS13	x		x			
14	Ninh Bình	Sông Đáy	Huyện Kim Sơn	CS14	x		x			
15	Thanh Hóa	Sông Lèn	Huyện Hậu Lộc	CS15	x		x			
16	Thanh Hóa	Sông Trường Giang	Huyện Hậu Lộc	CS16	x				x	
17	Thanh Hóa	Sông Mã	Huyện Hoằng Hóa	CS17	x				x	
18	Thanh Hóa	Sông Yên	Huyện Tĩnh Gia	CS18	x				x	
19	Thanh Hóa	Sông Lạng Bạch	Huyện Tĩnh Gia	CS19	x				x	
20	Nghệ An	Sông Hoàng Mai	Thị xã Hoàng Mai	CS20	x				x	
21	Nghệ An	Cửa Lạch Quèn - Sông Hầu	Huyện Quỳnh Lưu	CS21	x				x	
22	Nghệ An	Sông Cấm	Thị xã Cửa Lò	CS22	x				x	
23	Nghệ An	Cửa Hội - Sông Lam	Thị xã Cửa Lò	CS23	x				x	
24	Hà Tĩnh	Sót - sông Hạ Vàng	Huyện Lộc Hà	CS24	x			x	x	
25	Hà Tĩnh	Vịnh Vũng Áng - Sông Trí	Thị xã Kỳ Anh	CS25	x				x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên cửa sông	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động			2021 - 2030	2031 - 2050
26	Hà Tĩnh	Cửa Nhượng - Sông Lạc Giang	Huyện Cẩm Xuyên	CS26	x				x	
27	Quảng Bình	Ròn	Cảnh Dương, Quảng Trạch	CS27	x				x	
28	Quảng Bình	Gianh	Quảng Phúc, Quảng Trạch	CS28	x		x			
29	Quảng Bình	Nhật Lệ	Bắc Lý, TP Đồng Hới	CS29	x		x			
30	Quảng Trị	Bến Hải	TT Cửa Tùng, Vĩnh Linh	CS30	x				x	
31	Quảng Trị	Thạch Hãn	TT Cửa Việt, Gio Linh	CS31	x				x	
32	Thừa Thiên Huế	Cửa Thuận An - sông Hương	Hải Dương, Hương Trà, Thừa Thiên Huế	CS32	x		x			
33	Đà Nẵng	Cửa sông Cu Đê	Hòa Hiệp Nam, Liên Chiểu, TP Đà Nẵng	CS33	x				x	
34	Đà Nẵng	Cửa sông Phú Lộc	Thanh Khê Đông, Thanh Khê, TP Đà Nẵng	CS34	x				x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên cửa sông	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động			2021 - 2030	2031 - 2050
35	Đà Nẵng	Cửa sông Hàn (sông Vu Gia)	Nại Hiên Đông, Hải Châu, TP Đà Nẵng	CS35	x				x	
36	Quảng Nam	Cửa Đại - Hội An - sông Thu Bồn	Cửa Đại, TP Hội An	CS36	x		x			
37	Quảng Nam	Cửa sông Trường Giang - sông Thu Bồn	Tam Hải, Núi Thành	CS37	x				x	
38	Quảng Ngãi	Cửa sông Trà Bồng	Bình Đông, Bình Sơn	CS38	x		x			
39	Quảng Ngãi	Cửa biển Sa Kỳ	Bình Châu, Bình Sơn	CS39	x				x	
40	Quảng Ngãi	Cửa Đại - Cổ Lũy (sông Trà Khúc)	Nghĩa Phú, Tư Nghĩa	CS40	x				x	
41	Quảng Ngãi	Cửa sông Vệ	Đức Lợi, Mộ Đức	CS41	x			x	x	
42	Quảng Ngãi	Cửa Mỹ Á	Hải Tân, Đức Phổ	CS42	x				x	
43	Bình Định	Cửa Tam Quan	Thiện Chánh 2, Hoài Nhơn	CS43	x				x	
44	Bình Định	Cửa Lại Giang	Hoài Thanh, Hoài Nhơn	CS44	x				x	
45	Bình Định	Đầm Trà Ổ	Mỹ Đức, Phù Mỹ	CS45	x				x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên cửa sông	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động			2021 - 2030	2031 - 2050
46	Bình Định	Đầm Thị Nại - Bến đò xã Nhơn Lý	Nhơn Hội, TP Quy Nhơn	CS46	x				x	
47	Bình Định	Đầm Thị Nại - Cầu Thị Nại	Trần Phú, TP Quy Nhơn	CS47	x				x	
48	Phú Yên	Đầm Cù Mông	TX Sông Cầu	CS48	x				x	
49	Phú Yên	Cửa đầm Cù Mông	Hòa Lợi, Sông Cầu	CS49	x				x	
50	Phú Yên	Đầm Ô Loan	An Cư, Tuy An	CS50	x				x	
51	Phú Yên	Cửa đầm Ô Loan	An Ninh Đông, Tuy An	CS51	x				x	
52	Phú Yên	Cửa sông Đà Rằng (sông Ba)	TP Tuy Hòa	CS52	x		x			
53	Phú Yên	Cửa Đà Nông (sông Cái)	Hòa Hiệp Nam, Đông Hòa	CS53	x		x			
54	Bình Thuận	Lũy	Phan Rí Cửa, Tuy Phong	CS54	x			x	x	
55	Khánh Hòa	Cửa Hải Triều (Vịnh Vân Phong)	Vạn Long, Vạn Ninh	CS55	x				x	
56	Khánh Hòa	Cửa sông Cái	Xương Huân, Nha Trang	CS56	x			x	x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên cửa sông	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động			2021 - 2030	2031 - 2050
57	Khánh Hòa	Cửa sông Quán Trường (sông Cái)	Vĩnh Trường, Nha Trang	CS57	x				x	
58	Bà Rịa - Vũng Tàu	Sông Thị Vải	Xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu	CS58	x		x			
59	TP Hồ Chí Minh	Cửa sông Lòng Tàu	Xã Thạnh An, huyện Cần Giờ	CS59	x		x			
60	TP Hồ Chí Minh	Cửa sông Soài Rạp	Xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ	CS60	x				x	
61	TP Hồ Chí Minh	Cửa sông Đồng Tranh	Xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ	CS61	x				x	
62	Sóc Trăng	Cửa Lớn (Cửa Trần Đề)	Thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề	CS62	x				x	
63	Sóc Trăng	Cửa sông Mỏ Ó	Xã Trung Bình, huyện Trần Đề	CS63	x				x	
64	Bạc Liêu	Gành Hào	Thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải	CS64	x		x			
65	Bến Tre	Ba Lai - Sông Tiền	Xã Thới Thuận, huyện Bình Đại	CS65	x			x	x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên cửa sông	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động			2021 - 2030	2031 - 2050
66	Bến Tre	Hàm Luông - Sông Tiền	Xã An Thủy, huyện Ba Tri	CS66	x			x	x	
67	Bến Tre	Cửa sông Cổ Chiên	Xã An Quy, huyện Thạnh Phú	CS67	x			x	x	
68	Tiền Giang	Cửa Tiểu - sông Tiền	Xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông	CS68	x			x	x	
69	Tiền Giang	Cửa Đại - sông Tiền	Xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông	CS69	x			x	x	
70	Trà Vinh	Cửa sông Định An	Xã Định An, huyện Trà Cú	CS70	x				x	
71	Kiên Giang	Cửa sông Cái Lớn	Phường An Hòa, thành phố Rạch Giá	CS71	x				x	
72	Kiên Giang	Cửa sông Giang Thạnh	Phường Tô Châu, TP Hà Tiên	CS72	x				x	
73	Cà Mau	Cửa sông Bồ Đề	Xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	CS73	x				x	
74	Cà Mau	Cửa sông Rạch Gốc	Thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển	CS74	x				x	

TT	Tỉnh/ thành phố	Tên cửa sông	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động			2021 - 2030	2031 - 2050
75	Cà Mau	Cửa sông Bảy Háp	Xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân	CS75	x				x	
76	Cà Mau	Cửa sông Sông Đốc	Thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời	CS76	x				x	
	Tổng số				**76**	**0**	**22**	**10**	**54**	**0**

Phụ lục IV

DANH SÁCH CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC VÙNG BIỂN VEN BỜ QUY HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tỉnh/ thành phố	Khu vực biển quan trắc	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Lồng ghép trạm hải văn	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
1	Quảng Ninh	Bãi Trà Cổ	Thành phố Móng Cái	B1	x			x			
2	Quảng Ninh	Cảng Mũi Chùa	Huyện Tiên Yên	B2	x			x			
3	Quảng Ninh	Cảng Cửa Ông	Thành phố Cẩm Phả	B3	x			x			
4	Quảng Ninh	Cảng Cái Lân	Thành phố Hạ Long	B4	x			x			
5	Quảng Ninh	Bãi biển Tuần Châu	Thành phố Hạ Long	B5	x			x			
6	Quảng Ninh	Bãi Cháy	Thành phố Hạ Long	B6	x		x	x			
7	Quảng Ninh	Cảng Cái Rồng	Huyện Vân Đồn	B7	x			x			
8	Hải Phòng	Bạch Đằng	Huyện Tiên Lãng	B8	x			x			
9	Hải Phòng	Cảng Đình Vũ	Quận Hải An	B9	x			x			
10	Hải Phòng	Hòn Dấu	Đồ Sơn	B10	x		x	x			
11	Thái Bình	Biển Đồng Châu	Huyện Tiền Hải	B11	x			x			

STT	Tỉnh/ thành phố	Khu vực biển quan trắc	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Lồng ghép trạm hải văn	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
12	Nam Định	Hải Hậu	Huyện Hải Hậu	B12	x				x	x	
13	Ninh Bình	Kim Sơn	Huyện Kim Sơn	B13	x				x	x	
14	Thanh Hóa	Sầm Sơn	Huyện Quảng Xương	B14	x		x	x			
15	Thanh Hóa	Tĩnh Gia	Huyện Tĩnh Gia	B15	x					x	
16	Nghệ An	Cửa Lò	Thị xã Cửa Lò	B16	x			x			
17	Hà Tĩnh	Bãi biển Xuân Thành	Huyện Nghi Xuân	B17	x					x	
18	Hà Tĩnh	Bãi tắm Thiên Cầm	Thôn Chùa, xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên	B18		x				x	
19	Hà Tĩnh	Kỳ Lợi	Xã Kỳ Lợi, Kỳ Anh	B19		x				x	
20	Hà Tĩnh	Hải đội 2	Xã Xuân Phổ, huyện Nghi Xuân	B20		x		x			
21	Quảng Bình	Hòn La	Thọ Sơn, Quảng Trạch, Quảng Bình	B21		x		x			
22	Quảng Bình	Biển Nhật Lệ	Bắc Lý, TP Đồng Hới	B22	x			x			

STT	Tỉnh/ thành phố	Khu vực biển quan trắc	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Lồng ghép trạm hải văn	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
23	Quảng Trị	Triệu Lăng	Thôn 6, xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong	B23		x		x			
24	Quảng Trị	Bãi biển Mũi Si - Cửa Tùng	TT Cửa Tùng, Vĩnh Linh	B24	x			x			
25	Thừa Thiên Huế	Chân Mây	Xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc	B25		x				x	
26	Thừa Thiên Huế	Cảng Chân Mây	Xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc	B26	x			x			
27	Thừa Thiên Huế	Biển Thuận An	Xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc	B27	x			x			
28	Đà Nẵng	Cảng Tiên Sa	Thọ Quang, Sơn Trà	B28	x			x			
29	Đà Nẵng	Âu thuyền Thọ Quang	Thọ Quang, Sơn Trà	B29	x			x			
30	Đà Nẵng	Biển Phước Mỹ	Phước Mỹ, Sơn Trà	B30	x			x			
31	Đà Nẵng	Cảng Liên Chiểu	Hòa Hiệp Bắc, Liên Chiểu	B31	x			x			
32	Đà Nẵng	Sơn Trà	Quận Sơn Trà	B32	x		x	x			

STT	Tỉnh/ thành phố	Khu vực biển quan trắc	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Lồng ghép trạm hải văn	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
33	Quảng Nam	Cảng Kỳ Hà	Kỳ Hà, Núi Thành	B33	x			x			
34	Quảng Nam	Biển Bãi Rạng	Tam Quang, Núi Thành	B34	x			x			
35	Quảng Ngãi	Bãi Tắm Khe Hai	Bình Thạnh, Bình Sơn	B35	x			x			
36	Quảng Ngãi	Cảng Dung Quất	Bình Thuận, Bình Sơn	B36	x			x			
37	Quảng Ngãi	Vịnh Việt Thanh	Bình Châu, Bình Sơn	B37	x			x			
38	Bình Định	Bãi biển Tam Quan Bắc	Tam Quan Bắc, Hoài Nhơn	B38	x			x			
39	Bình Định	Biển Quy Nhơn	TP Quy Nhơn	B39	x			x			
40	Bình Định	Cảng Quy Nhơn	TP Quy Nhơn	B40	x		x	x			
41	Bình Định	Biển Trung Lương	Cát Tiến, Phù Cát	B41	x			x			
42	Phú Yên	Vịnh Xuân Đài	TX Sông Cầu	B42	x					x	

STT	Tỉnh/ thành phố	Khu vực biển quan trắc	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Lồng ghép trạm hải văn	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
43	Khánh Hòa	Biển Rạn Trào (Vịnh Vân Phong)	Vạn Hưng, Vạn Ninh	B43	x			x			
44	Ninh Thuận	Vịnh Phan Rang	TT Khánh Hải, Ninh Hải	B44	x					x	
45	Bình Thuận	KV Biển Cà Ná	Vĩnh Tân, Tuy Phong	B45	x			x			
46	Bình Thuận	KV Nhiệt điện Vĩnh Tân	Liên Hương, Tuy Phong	B46	x			x			
47	Bình Thuận	Vịnh Phan Thiết	TP Phan Thiết	B47	x					x	
48	Bà Rịa - Vũng Tàu	Biển Lộc An	Xã Lộc An, huyện Đất Đỏ	B48	x			x			
49	Bà Rịa - Vũng Tàu	Bãi Trước	Phường 1, thành phố Vũng Tàu	B49	x			x			
50	Bà Rịa - Vũng Tàu	Bãi Sau	Phường Thắng Tam, thành phố Vũng Tàu	B50	x			x			
51	Bà Rịa - Vũng Tàu	Sao Mai - Bến Đình	Phường 9, thành phố Vũng Tàu	B51	x			x			

STT	Tỉnh/ thành phố	Khu vực biển quan trắc	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Lồng ghép trạm hải văn	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
52	Bà Rịa - Vũng Tàu	Thành phố Vũng Tàu	TP Vũng Tàu	B52	x		x	x			
53	TP. Hồ Chí Minh	Biển Cần Giờ	Xã Long Hòa, huyện Cần Giờ	B53	x			x			
54	Tiền Giang	Biển Tân Thành, Gò Công	Xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông	B54	x					x	
55	Bến Tre	Biển Thạnh Phú	Xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú	B55	x					x	
56	Trà Vinh	Biển thị xã Duyên Hải	Xã Dân Thành, huyện Duyên Hải	B56	x					x	
57	Sóc Trăng	Biển khu vực thị xã Vĩnh Châu	Xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu	B57	x					x	
58	Bạc Liêu	Biển khu vực thành phố Bạc Liêu	Phường Nhà Mát, TP Bạc Liêu	B58	x					x	
59	Bạc Liêu	Biển khu vực đê biển Gành Hào	Thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải	B59	x					x	

STT	Tỉnh/ thành phố	Khu vực biển quan trắc	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Lồng ghép trạm hải văn	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
60	Cà Mau	Biển Mũi Cà Mau	Xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển	B60	x					x	
61	Cà Mau	Biển Khu vực thị trấn Sông Đốc	Thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời	B61	x					x	
62	Cà Mau	Biển khu vực Hòn Đá Bạc	Xã khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời	B62	x					x	
63	Kiên Giang	Biển Khu vực đô thị lấn biển Phú Cường	Khu vực Vịnh Rạch Giá, phường An Hòa, TP. Rạch Giá	B63	x					x	
64	Kiên Giang	Biển Khu vực đô thị lấn biển Tây Bắc Rạch Giá	Khu vực Vịnh Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, An Hòa, TP. Rạch Giá	B64	x					x	
65	Kiên Giang	Biển Khu vực Mũi Nai	Khu vực Mũi Nai, phường Pháo Đài, TP. Hà Tiên)	B65	x					x	
66	Kiên Giang	Biển Khu vực Cảng An Thới	Phường An Thới, TP Phú Quốc	B66	x					x	

STT	Tỉnh/ thành phố	Khu vực biển quan trắc	Vị trí/địa điểm quan trắc	Ký hiệu vị trí/ khu vực quan trắc	Hình thức quan trắc		Lồng ghép trạm hải văn	Hiện có	Trong Quy hoạch trước đây	Quy hoạch	
					Định kỳ	Tự động				2021 - 2030	2031 - 2050
67	Kiên Giang	Biển khu vực Dinh Cậu Phú Quốc	Phường Đông Dương, TP Phú Quốc	B67	x					x	
68	Kiên Giang	Biển khu vực Mũi Gành Dầu	Xã Gành Dầu, TP Phú Quốc	B68	x					x	
69	Kiên Giang	Biển Khu vực Phà Thạnh Thới	Xã Bãi Thơm, TP Phú Quốc	B69	x					x	
70	Kiên Giang	Biển Khu vực Hàm Ninh	Xã Hàm Ninh, TP Phú Quốc	B70	x					x	
	Tổng				**64**	**6**	**6**	**43**	**2**	**27**	**0**

Phụ lục V

DANH SÁCH CÁC VÙNG BIỂN XA BỜ CẦN QUAN TRẮC QUY HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Khu vực biển/vị trí quan trắc	Cách bờ
1	**Khu vực biển miền Bắc (vịnh Bắc Bộ)**	
1.1	Vùng biển xa bờ gần đảo Bạch Long Vỹ	Cách QN: 59,3 HL
2	**Khu vực biển miền Trung**	
2.1	Vùng biển Tây Hoàng Sa	Cách HT: 52 HL
3	**Khu vực biển quần đảo Trường Sa**	
3.1	Vùng biển quanh đảo Song Tử Tây	Cách CR: 315 HL
3.2	Vùng biển quanh đảo Đá Nam	Cách CR: 299 HL
3.3	Vùng biển quanh đảo Đá Lớn	Cách CR: 295 HL
3.4	Vùng biển quanh đảo Nam Yết	Cách CR: 326 HL
3.5	Vùng biển quanh đảo Sơn Ca	Cách CR: 331 HL
3.6	Vùng biển quanh đảo Đá Thị	Cách CR: 335 HL
3.7	Vùng biển quanh đảo Sinh Tồn	Cách CR: 315 HL
3.8	Vùng biển quanh đảo Sinh Tồn Đông	Cách CR: 312 HL
3.9	Vùng biển quanh đảo Cô Lin	Cách CR: 307 HL
3.10	Vùng biển quanh đảo Len Đao	Cách CR: 335 HL
3.11	Vùng biển quanh đảo Đá Lát	Cách CR: 245 HL
3.12	Vùng biển quanh đảo Trường Sa	Cách CR: 254 HL
3.13	Vùng biển quanh đảo Đá Tây	Cách CR: 248 HL
3.14	Vùng biển quanh đảo Trường Sa Đông	Cách CR: 260 HL
3.15	Vùng biển quanh đảo Phan Vinh	Cách CR: 322 HL
3.16	Vùng biển quanh đảo Tốc Tan	Cách CR: 348 HL

TT	Khu vực biển/vị trí quan trắc	Cách bờ
3.17	Vùng biển quanh đảo Núi Le	Cách CR: 355 HL
3.18	Vùng biển quanh đảo Tiên Nữ	Cách CR: 374 HL
3.19	Vùng biển quanh đảo Thuyền Chài	Cách CR: 308 HL
3.20	Vùng biển quanh đảo An Bang	Cách CR: 325 HL
4	**Khu vực biển thuộc thềm lục địa phía Nam**	
4.1	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/11 (Bãi cạn Tư Chính)	Cách VT: 160 HL
4.2	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/12 (Bãi cạn Tư Chính)	Cách VT: 160 HL
4.3	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/14 (Bãi cạn Tư Chính)	Cách VT: 160 HL
4.4	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/2 (Bãi cạn Phúc Tần)	Cách VT: 245 HL
4.5	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/16 (Bãi cạn Phúc Tần)	Cách VT: 245 HL
4.6	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/17 (Bãi cạn Phúc Tần)	Cách VT: 245 HL
4.7	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/18 (Bãi cạn Phúc Tần)	Cách VT: 245 HL
4.8	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/9 (Bãi cạn Ba Kè)	Cách VT: 300 HL
4.9	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/20 (Bãi cạn Ba Kè)	Cách VT: 300 HL
4.10	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/21 (Bãi cạn Ba Kè)	Cách VT: 300 HL
4.11	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/15 (Bãi cạn Phúc Nguyên)	Cách VT: 200 HL

TT	Khu vực biển/vị trí quan trắc	Cách bờ
4.12	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/7 (Bãi cạn Huyền Trân)	Cách VT: 248 HL
4.13	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/8 (Bãi cạn Quế Đường)	Cách VT: 225 HL
4.14	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/9 (Bãi cạn Quế Đường)	Cách VT: 225 HL
5	**Khu vực biển Tây Nam Bộ**	
5.1	Vùng biển xung quanh Nhà giàn DK1/10 (Bãi cạn Cà Mau)	Cách mũi CM: 110HL
5.2	Vùng biển xung quanh đảo Phú Quốc	Cách KG: 26,9 HL
5.3	Vùng biển xung quanh đảo Thổ Chu	Cách KG: 55HL

Phụ lục VI

DANH SÁCH ĐIỂM QUAN TRẮC LẮNG ĐỌNG AXÍT QUY HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tỉnh/thành phố	Địa điểm quan trắc	Hiện có	Quy hoạch thực hiện 2021 - 2030	Được lồng ghép trong Trạm quan trắc khí tượng
1	Bà Rịa - Vũng Tàu	Phường 8, thành phố Vũng Tàu	x	x	
2	Bình Dương	P. Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một	x	x	
3	Tây Ninh	Khu phố 1, phường 1, TP Tây Ninh	x		x
4	Bình Thuận	Phường Hưng Long, TP Phan Thiết		x	x
5	Bình Định	Phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn		x	x
6	Cà Mau	Phường 7, TP Cà Mau	x		x
7	Cần Thơ	Số 45, đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều	x		x
8	Hà Nội	Đường Giải Phóng, quận Đống Đa		x	
9	Hà Nội	Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy		x	
10	Hà Nội	Phường Láng Thượng, quận Đống Đa	x		x
11	Hưng Yên	Đường Nguyễn Văn Linh, thành phố Hưng Yên		x	

12	Hải Dương	Phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương		x	
13	Hải Dương	Phường Việt Hòa, TP Hải Dương		x	x
14	TP Hải Phòng	Đài KTTV Đông Bắc (Phù Liễn), thuộc phường Phù Liễn, quận Kiến An, TP Hải Phòng		x	x
15	Thái Bình	Phường Bồ Xuyên, TP Thái Bình		x	
16	Hà Nam	Phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý		x	
17	Ninh Bình	Đường Nguyễn Công Trứ, TP Ninh Bình		x	x
18	Ninh Bình	Xã Cúc Phương, huyện Nho Quan		x	x
19	Bắc Giang	Phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang		x	
20	Bắc Giang	Phường Nguyên Hãn, TP Bắc Giang		x	x
21	Phú Thọ	Phường Tân Dân, TP Việt Trì		x	x
22	Đà Nẵng	54 Nguyễn Lương Bằng - phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu		x	
23	Đà Nẵng	660 Trưng Nữ Vương, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu		x	x
24	Quảng Nam	Phường An Xuân, thành phố Tam Kỳ		x	
25	Bình Định	Phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn			
26	Khánh Hòa	Phường Vĩnh Nguyên, TP Nha Trang	x		x
27	Gia Lai	33 Trường Chinh, phường Trà Bá, TP Pleiku		x	x

28	Đăk Lăk	Khối 9, phường Tự An, TP Buôn Mê Thuột		x	x
29	Lâm Đồng	Phường 6, Thành phố Đà Lạt	x		x
30	Thừa Thiên Huế	Xã Thủy Bằng, thị xã Hương Thủy		x	x
31	Nghệ An	144 đường Lê Hồng Phong, phường Trường Thi, TP Vinh		x	x
32	Thanh Hóa	Phường Quảng Thịnh, TP Thanh Hóa		x	x
33	Thái Nguyên	Phường Trưng Vương, TP Thái Nguyên		x	x
34	Điện Biên	Pha Đin, xã Tỏa Tình, huyện Tuần Giáo		x	x
35	Sơn La	Phường Tô Hiệu, TP. Sơn La		x	x
36	Ninh Thuận	Phường Thanh Sơn, TP Phan Rang - Tháp Chàm			
37	Long An	Phường 2, TP Tân An	x		
38	Quảng Ninh	Phường Bãi Cháy, TP Hạ Long		x	x
39	TP Hồ Chí Minh	Ấp 3, xã Long Thới, huyện Nhà Bè	x		x
40	TP Hồ Chí Minh	Tân Sơn Hòa, phường 1, quận Tân Bình	x		x
41	TP Hồ Chí Minh	Phường Bình Trưng Tây, TP. Thủ Đức		x	
42	TP Hồ Chí Minh	200 lý chính thắng, phường 9, quận 3		x	
	Tổng số		**11**	**31**	**26**

Phụ lục VII

PHÂN KỲ THỰC HIỆN QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI QUAN TRẮC ĐA DẠNG SINH HỌC

(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên khu vực quan trắc	Hiện có	Quy hoạch		
			2025 - 2030	2031 - 2045	2045 - 2050
1	Các khu bảo tồn thiên nhiên có danh hiệu quốc tế		x		
2	Các khu bảo tồn thiên nhiên trên phạm vi toàn quốc			x	x
3	Các hành lang đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao được thành lập				x

Phụ lục VIII

DANH SÁCH CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC NƯỚC DƯỚI ĐẤT ĐỊNH KỲ VÀ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Tên	Số hiệu công trình	Địa điểm quan trắc (xã, huyện)			Hiện có	Quy hoạch		Lồng ghép với các điểm quan trắc nước dưới đất
						2021 - 2030	2031 - 2050	
1. Tỉnh Thái Nguyên								
QT3-TN	QT3a-TN	P. Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	Thái Nguyên			x	x
QT5-TN	QT5a-TN	Đông Cao	Phổ Yên	Thái Nguyên			x	x
2. Tỉnh Phú Thọ								
QT1-PT	QT1a-PT	Sông Lô	TP. Việt Trì	Phú Thọ			x	x
3. Tỉnh Bắc Giang								
Q.39	Q.39	Châu Minh	Hiệp Hòa	Bắc Giang		x		x
Q.191	Q.191a	Minh Đức	Việt Yên	Bắc Giang		x		x
4. Tỉnh Quảng Ninh								
QT4-QN	QT4-QN	P. Bãi Cháy	TP. Hạ Long	Quảng Ninh			x	x
QT6-QN	QT6-QN	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	Quảng Ninh			x	x

Tên	Số hiệu công trình	Địa điểm quan trắc (xã, huyện)			Hiện có	Quy hoạch		Lồng ghép với các điểm quan trắc nước dưới đất
						2021 - 2030	2031 - 2050	
5. TP Hà Nội								
Q.58	Q.58M1	Sơn Đồng	Hoài Đức	Hà Nội	x			x
Q.62	Q.62	Minh Khai	Bắc Từ Liêm	Hà Nội	x			x
Q.63	Q.63aM1	Mai Dịch	Cầu Giấy	Hà Nội	x			x
Q.64	Q.64	Kim Liên	Đống Đa	Hà Nội	x			x
Q.65	Q.65M1	Hoàng Liệt	Hoàng Mai	Hà Nội	x			x
	Q.65bM1	Hoàng Liệt	Hoàng Mai	Hà Nội	x			x
Q.68	Q.68aM1	Yết Kiêu	Q. Hà Đông	Hà Nội	x			x
Q.69	Q.69	Phú Lãm	Q. Hà Đông	Hà Nội	x			x
Q.175	Q.175	Phú Minh	Phú Xuyên	Hà Nội	x			x
Q.176	Q.176	Hòa Phú	Ứng Hòa	Hà Nội	x			x
Q.66b	Q.66b	Ngũ Hiệp	Thanh Trì	Hà Nội	x			x
Q.77	Q.77a	Tốt Động	Chương Mỹ	Hà Nội	x			x
Q.15	Q.15M1	Quang Tiến	Sóc Sơn	Hà Nội	x			x
Q.23	Q.23a	Hải Bối	Đông Anh	Hà Nội	x			x
Q.33	Q.33M1	Mai Lâm	Đông Anh	Hà Nội	x			x

Tên	Số hiệu công trình	Địa điểm quan trắc (xã, huyện)			Hiện có	Quy hoạch		Lồng ghép với các điểm quan trắc nước dưới đất
						2021 - 2030	2031 - 2050	
Q.120	Q.120	Trâu Quỳ	Gia Lâm	Hà Nội	x			x
Q.121	Q.121M1	Thượng Thanh	Long Biên	Hà Nội	x			x
Q.194	Q.194	Viên An	Ứng Hòa	Hà Nội		x		x
	Q.218a	Thanh Văn	Thanh Oai	Hà Nội		x		x
6. Tỉnh Vĩnh Phúc								
Q.2	Q.2	Việt Xuân	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	x			x
7. Tỉnh Bắc Ninh								
Q.36	Q.36M1	Văn Môn	Yên Phong	Bắc Ninh	x			x
Q.187	Q.187	Hạp Lĩnh	Bắc Ninh	Bắc Ninh		x		x
8. Tỉnh Hưng Yên								
Q.193	Q.193a	Phùng Hưng	Khoái Châu	Hưng Yên	x			x
9. Tỉnh Nam Định								
Q.107	Q.107	Yên Lương	Ý Yên	Nam Định	x			x
Q.110	Q.110	Hải Tây	Hải Hậu	Nam Định	x			x
10. Tỉnh Thái Bình								
Q.155	Q.155M1	TT. Diêm Điền	Thái Thụy	Thái Bình	x			x

Tên	Số hiệu công trình	Địa điểm quan trắc (xã, huyện)			Hiện có	Quy hoạch		Lồng ghép với các điểm quan trắc nước dưới đất
						2021 - 2030	2031 - 2050	
Q.159	Q.159	An Bài	Quỳnh Phụ	Thái Bình	x			x
Q.181	Q.181	Đông Tân	Đông Hưng	Thái Bình		x		x
Q.183	Q.183	TT. Tiền Hải	Tiền Hải	Thái Bình		x		x
Q.202	Q.202	Nguyên Xá	Vũ Thư	Thái Bình		x		x
Q.203	Q.203	Vũ Bình	Kiến Xương	Thái Bình		x		x
Q.184	Q.184	TT. Hưng Hà	Hưng Hà	Thái Bình		x		x
11. TP Hải Phòng								
Q.167	Q.167	Lê Lợi	An Dương	Hải Phòng	x			x
12. Tỉnh Thanh Hóa								
QT4	QT4-TH	Thọ Hải	Thọ Xuân	Thanh Hóa	x			x
QT8	QT8-TH	Quảng Hưng	TP. Thanh Hóa	Thanh Hóa	x			x
QT10	QT10a-TH	Hợp Tiến	Triệu Sơn	Thanh Hóa	x			x
QT12	QT12-TH	Quảng Chính	Quảng Xương	Thanh Hóa	x			x
QT14	QT14-TH	Ngọc Lĩnh	Tĩnh Gia	Thanh Hóa	x			x
13. Tỉnh Nghệ An								
QT1	QT1-NA	Quỳnh Dị	Quỳnh Lưu	Nghệ An	x			x

Tên	Số hiệu công trình	Địa điểm quan trắc (xã, huyện)			Hiện có	Quy hoạch		Lồng ghép với các điểm quan trắc nước dưới đất
						2021 - 2030	2031 - 2050	
QT3	QT3-NA	Diễn Thành	Diễn Châu	Nghệ An	x			x
QT5	QT5a-NA	Công Thành	Yên Thành	Nghệ An	x			x
QT6	QT6a-NA	Lưu Sơn	Đô Lương	Nghệ An	x			x
QT7	QT7-NA	Nghi Yên	Nghi Lộc	Nghệ An	x			x
QT12	QT12a-NA	Hưng Hòa	TP. Vinh	Nghệ An	x			x
14. Tỉnh Thừa Thiên Huế								
QT5	QT5-H	Thủy Biều	TP. Huế	Thừa Thiên Huế	x			x
15. Tỉnh Quảng Nam								
QT4	QT4a-QD	Điện Hòa	Tx. Điện Bàn	Quảng Nam	x			x
16. Tỉnh Quảng Ngãi								
QT5	QT5a-QN	Nghĩa Dõng	TP. Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	x			x
17. Tỉnh Bình Định								
QT3-BĐ	QT3-BĐ	Nhơn Lý	TP. Quy Nhơn	Bình Định		x		x
18. Tỉnh Khánh Hòa								
QT7-KH	QT7-KH	P. Ninh Thủy	TX. Ninh Hòa	Khánh Hòa		x		x
QT10-KH	QT10-KH	Vĩnh Ngọc	TP. Nha Trang	Khánh Hòa		x		x

Tên	Số hiệu công trình	Địa điểm quan trắc (xã, huyện)			Hiện có	Quy hoạch		Lồng ghép với các điểm quan trắc nước dưới đất
						2021 - 2030	2031 - 2050	
19. Tỉnh Bình Thuận								
QT15-BT	QT15-BT	Thiện Nghiệp	TP. Phan Thiết	Bình Thuận		x		x
20. Tỉnh Gia Lai								
LK159	LK159T	Biển Hồ	TP. Pleiku	Gia Lai	x			x
21. Tỉnh Đăk Lăk								
LK50	LK50T	Ea Kuang	Krông Pắk	Đăk Lăk	x			x
C15	C15	Ea Tu	TP.Buôn Mê Thuột	Đăk Lăk	x			x
LK141	LK141T	Ea Tam	TP.Buôn Mê Thuột	Đắk Lăk		x		x
22. Tỉnh Lâm Đồng								
LK207	LK207T	Phường 7	TP Đà Lạt	Lâm Đồng		x		x
23. Tỉnh Bình Dương								
Q22404T	Q22404T	Thới Hòa	Bến Cát	Bình Dương	x			x
Q641	Q641030	Bình An	Dĩ An	Bình Dương		x		x
	Q641050	Bình An	Dĩ An	Bình Dương		x		x

Tên	Số hiệu công trình	Địa điểm quan trắc (xã, huyện)			Hiện có	Quy hoạch		Lồng ghép với các điểm quan trắc nước dưới đất
						2021 - 2030	2031 - 2050	
24. Thành phố Hồ Chí Minh								
Q002	Q00202B	Bình Mỹ	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	x			x
Q011	Q011020	Trung Mỹ Tây	Quận 12	TP. Hồ Chí Minh	x			x
Q019	Q019340	Đông Hưng Thuận	Quận 12	TP. Hồ Chí Minh	x			x
Q804	Q80404ZM1	Phước Vĩnh An	Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	x			x
Q808	Q808010	Lê Minh Xuân	Bình Chánh	TP. Hồ Chí Minh	x			x
	Q808030M1	Lê Minh Xuân	Bình Chánh	TP. Hồ Chí Minh	x			x
	Q808050M1	Lê Minh Xuân	Bình Chánh	TP. Hồ Chí Minh	x			x
Q680	Q680020	Tân Chánh Hiệp	Quận 12	TP. Hồ Chí Minh		x		x

Tên	Số hiệu công trình	Địa điểm quan trắc (xã, huyện)			Hiện có	Quy hoạch		Lồng ghép với các điểm quan trắc nước dưới đất
						2021 - 2030	2031 - 2050	
25. Tỉnh Đồng Nai								
Q010(d)	Q01007D	Cây Gáo	Trảng Bom	Đồng Nai	x			x
Q014	Q014340	Phú Đông	Nhơn Trạch	Đồng Nai	x			x
Q040	Q040020	Long An	Long Thành	Đồng Nai	x			x
26. Tỉnh Long An								
Q612	Q612040	Hòa Khánh Nam	Đức Hòa	Long An	x			x
27. Tỉnh Đồng Tháp								
Q606	Q606040	Mỹ Thọ	Cao Lãnh	Đồng Tháp	x			x
28. Tỉnh An Giang								
Q407	Q40702BM1	TT. Cái Dầu	Châu Phú	An Giang	x			x
Q408	Q408020	Mỹ Thạnh	Long Xuyên	An Giang	x			x
Q619	Q619030	An Thạnh Trung	Chợ Mới	An Giang		x		x
29. Tỉnh Cà Mau								
Q177	Q177020M1	Phường 9	TP. Cà Mau	Cà Mau	x			x

Tên	Số hiệu công trình	Địa điểm quan trắc (xã, huyện)			Hiện có	Quy hoạch		Lồng ghép với các điểm quan trắc nước dưới đất
						2021 - 2030	2031 - 2050	
30. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu								
Q637	Q637030	P. Kim Dinh	TP. Bà Rịa	Bà Rịa - Vũng Tàu		x		x
	Q637050	P. Kim Dinh	TP. Bà Rịa	Bà Rịa - Vũng Tàu		x		x
31. Tỉnh Tiền Giang								
Q602	Q602030	Hậu Mỹ Bắc A	Cái Bè	Tiền Giang	x			x
Q620	Q620030	Thanh Hòa	Cai Lậy	Tiền Giang		x		x
Q621	Q621050	Đông Hòa	Châu Thành	Tiền Giang	x			x
Tổng số					**60**	**23**	**5**	**88**

Phụ lục IX

DANH SÁCH MẠNG LƯỚI CÁC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỔNG THỂ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tỉnh/thành phố	Hiện có	Quy hoạch		Tổng	Thành phần môi trường quan trắc
			2021 - 2030	2031 - 2050		
1	Trung tâm quan trắc môi trường thuộc Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường Môi trường	**3**	**1**		**4**	
1.1	Trung tâm quan trắc môi trường miền Bắc (đầu mối tích hợp thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường quốc gia)	1			1	Không khí xung quanh, nước mặt, cửa sông, nước biển ven bờ, mưa axit và các chương trình quan trắc theo chuyên đề
1.2	Trung tâm Quan trắc môi trường miền Trung - Tây Nguyên	1			1	Không khí xung quanh, nước mặt, cửa sông, nước biển ven bờ, mưa axit và các chương trình quan trắc theo chuyên đề
1.3	Trạm Vùng Đông Nam Bộ (thuộc Trung tâm Quan trắc môi trường miền Nam)		1		1	Không khí xung quanh, nước mặt, cửa sông, nước biển ven bờ, mưa axit và các chương trình quan trắc theo chuyên đề
1.4	Trạm Vùng Tây Nam Bộ (thuộc Trung tâm Quan trắc môi trường miền Nam)	1			1	Không khí xung quanh, nước mặt, cửa sông, nước biển ven bờ, mưa axit và các chương trình quan trắc theo chuyên đề

TT	Tỉnh/thành phố	Hiện có	Quy hoạch		Tổng	Thành phần môi trường quan trắc
			2021 - 2030	2031 - 2050		
2	Cục Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	**1**			**1**	Đa dạng sinh học
3	Trung tâm Quy hoạch và điều tra tài nguyên nước quốc gia	**1**			**1**	Nước dưới đất
4	Các phòng thí nghiệm thuộc Tổng cục Khí tượng thủy văn	**3**			**3**	Không khí xung quanh, nước mặt, nước biển ven bờ, mưa axit (theo các điểm được lồng ghép)
5	Đơn vị quan trắc môi trường biển thuộc Bộ Quốc phòng	**1**			**1**	Nước biển gần bờ và xa bờ
	Tổng	**9**	**1**	**0**	**10**	

Phụ lục X

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN TRIỂN KHAI QUY HOẠCH TỔNG THỂ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án ưu tiên	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
Nhóm nhiệm vụ, dự án 1: Hoàn thiện các quy định, hướng dẫn kỹ thuật về quản lý hoạt động quan trắc môi trường tại Việt Nam				
1	Xây dựng các tiêu chí kỹ thuật đối với các thiết bị quan trắc chất lượng không khí, nước tự động, liên tục sử dụng để quan trắc phục vụ công bố thông tin về chất lượng môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Đến năm 2027
2	Xây dựng quy trình kỹ thuật kiểm soát chất lượng các trạm quan trắc chất lượng không khí, nước tự động, liên tục	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Đến năm 2026
3	Nghiên cứu, xây dựng hướng dẫn kỹ thuật đối với các phần mềm quản lý và xử lý số liệu quan trắc môi trường phục vụ truyền, nhận dữ liệu quan trắc môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Đến năm 2027
4	Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật về quy trình vận hành các trạm quan trắc chất lượng môi trường tự động, liên tục theo quy định pháp luật	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Đến năm 2026
5	Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật về việc lựa chọn các vị trí lấy mẫu quan trắc định kỳ đáp ứng quy định pháp luật.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Đến năm 2026

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án ưu tiên	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
Nhóm nhiệm vụ, dự án 2: Nghiên cứu, đổi mới các công nghệ quan trắc môi trường, tăng cường ứng dụng các thiết bị quan trắc môi trường mới				
1	Nghiên cứu, đánh giá hiệu quả của các thiết bị quan trắc chất lượng không khí tự động, liên tục chi phí thấp (low-cost censor), đề xuất việc ứng dụng các thiết bị cho công tác nghiên cứu, quản lý	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Đến năm 2026
2	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo cho hoạt động xử lý số liệu quan trắc môi trường, đề xuất khả năng ứng dụng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Đến năm 2028
Nhóm nhiệm vụ, dự án 3: Đầu tư thiết bị quan trắc chất lượng môi trường phục vụ triển khai quy hoạch				
1	Xây dựng các trạm quan trắc tự động, liên tục khu vực miền Bắc theo quy hoạch	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Đến năm 2030
2	Xây dựng các trạm quan trắc tự động, liên tục khu vực miền miền Trung - Tây Nguyên theo quy hoạch	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Đến năm 2030
3	Xây dựng các trạm quan trắc tự động, liên tục khu vực miền miền Nam theo quy hoạch	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Đến năm 2030
4	Cải thiện, nâng cấp toàn diện các trạm quan trắc chất lượng môi trường tự động, liên tục hiện có	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Đến năm 2027

TT	Nội dung nhiệm vụ, dự án ưu tiên	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
5	Tăng cường năng lực cho các phòng thí nghiệm thực hiện quan trắc môi trường trong mạng lưới	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Đến năm 2030
6	Tăng cường năng lực quan trắc các khu vực biển xa bờ	Bộ Quốc phòng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Đến năm 2030
7	Nghiên cứu, xây dựng kế hoạch chuyển đổi các điểm quan trắc chất lượng môi trường định kỳ sang các điểm quan trắc sử dụng các công nghệ, thiết bị quan trắc tiên tiến, hiện đại	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Đến năm 2050
Nhóm nhiệm vụ, dự án 4: Đào tạo, tăng cường năng lực quan trắc môi trường				
1	Tăng cường năng lực kỹ thuật cho các cán bộ vận hành thiết bị quan trắc chất lượng môi trường tự động, liên tục tại trung ương và các địa phương	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Đến năm 2030
2	Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo chất lượng môi trường trên cơ sở ứng dụng mô hình hóa, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), internet vạn vật (IOT)…	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Đến năm 2030

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng